CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HOẠT ĐỘNG NCKH VÀ PHỤC VỤ SẢN XUẤT

Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình, Trường Đại học Mỏ - Địa chất chứng nhận:

Đồng chí: Hoàng Thị Thủy

Đơn vị: Bộ môn Trắc địa Phổ thông và Sai số

Chủ trì hợp đồng sản xuất ký về Trung tâm trong năm học 2021-2022

Tên hợp đồng: Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc

Số hợp đồng: 20211601KP-TH-01

Ngày ký hợp đồng: 16/1/2021

Ngày thanh lý: 22/12/2021

Số tiền theo thanh lý hợp đồng: 385 triệu đồng

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2022

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH

TS. Đinh Công Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc

Gói thầu số 01: Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc; Cư Kuin và thành phố Buôn Ma Thuột.

Số: 20211601KP-TH01

Giữa

Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Và

Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình

Các căn cứ:

- Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2021, chúng tôi gồm:

Bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Đại diện là Ông: **Nguyễn Quốc Văn** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 02437558073 Fax: 02437558077

Tài khoản: 0561100290008 tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Mã số thuế: 0100107211-009

Bên B: Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình

Đại diện là Ông: **Đinh Công Hòa** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 02438363137 Fax: 02438363137

Tài khoản: 1462201006407 tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế: 0100531036

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A thuê bên B thực hiện công việc Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc; Cư Kuin và thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 2. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Bên B thực hiện hoàn thành các nội dung công việc của hợp đồng và giao nộp sản phẩm theo yêu cầu tiến độ của Bên A.

Điều 3. Yêu cầu về kỹ thuật, sản phẩm giao nộp

3.1. Yêu cầu về kỹ thuật

Nội dung, yêu cầu kỹ thuật tuân thủ theo Phương án tổ chức thi công do Bên A lập và tuân thủ:

- Triển khai thực hiện các nội dung công việc tuân thủ theo Phương án kỹ thuật - tổ chức thi công và sử dụng các phần mềm trung gian theo đúng yêu cầu của bên A để đảm bảo tính thống nhất trong toàn huyện.

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

3.2. Sản phẩm giao nộp:

Sản phẩm giao nộp cho bên A theo từng công đoạn thực hiện, được bên A kiểm tra nghiệm thu xác nhận.

Điều 4: Giá trị của hợp đồng

- Tổng giá trị của hợp đồng (tạm tính là **632.951.323 đồng** (đã bao gồm thuế GTGT và các loại chi phí khác).

Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm hai mươi ba đồng ./.

- Chi tiết có phụ lục kèm.

Điều 5: Phương thức tạm ứng, thanh toán

- Hình thức tạm ứng, thanh toán: Bằng chuyển khoản
- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền không quá 70% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.
- Thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng trên cơ sở khối lượng thực tế thực hiện được và đơn giá trong hợp đồng.
- Đồng tiền thanh toán : đồng Việt Nam.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Quyền của bên A:

a) Bên A được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm của Hợp đồng.

b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

6.2. Nghĩa vụ của bên A:

a) Cung cấp cho bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Quyền của bên B:

a) Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn.

7.2. Nghĩa vụ của bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên A về những thông tin, tài liệu

không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Không được chuyển giao sản phẩm của Hợp đồng cho bất cứ một tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của bên A.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Văn	TS. Đinh Công Hòa

Phụ lục: Bảng xác định khối lượng và giá trị hợp đồng

(Kèm theo hợp đồng số 20211601KP-TH01, ngày 16/01/2021)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	**Chỉnh lý tập trung tỷ lệ 1/5000**				**472.795.648**
	Ngoại nghiệp	Ha	832	508.066	422.710.912
	Nội nghiệp	Ha	832	60.198	50.084.736
2	**Chỉnh lý bản đồ địa chính**				**50.814.704**
2.1	Chỉnh lý không tập trung tỷ lệ 1/1000				
-	Ngoại nghiệp	Thửa	31	187.823	5.822.513
-	Nội nghiệp	Thửa	31	30.406	942.586
2.2	Chỉnh lý không tập trung tỷ lệ 1/2000				
-	Ngoại nghiệp	Thửa	155	252.642	39.159.510
-	Nội nghiệp	Thửa	155	31.549	4.890.095
3	**Trích đo địa chính**				**109.340.971**
3.1	Đất ngoài đô thị	Thửa			
	< 100 m2	Thửa			
-	Ngoại nghiệp	Thửa	1	1.455.910	1.455.910
-	Nội nghiệp	Thửa	1	255.156	255.156
	100-300 m2	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	1	1.728.893	1.728.893
-	Nội nghiệp	Thửa	1	302.998	302.998
	> 300-500 m2	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	5	1.842.598	9.212.990
-	Nội nghiệp	Thửa	5	318.952	

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
					1.594.760
	>500-1000 m2	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	7	2.240.743	15.685.201
-	Nội nghiệp	Thửa	7	390.826	2.735.782
	>1000-3000m2	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	7	3.071.065	21.497.455
-	Nội nghiệp	Thửa	7	534.453	3.741.171
	>3000-10,000 m2	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	8	4.731.708	37.853.664
-	Nội nghiệp	Thửa	8	825.972	6.607.776
	>1 ha-10 ha	Thửa		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa	1	5.678.049	5.678.049
-	Nội nghiệp	Thửa	1	991.166	991.166
	Tổng công:				**632.951.323**

Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm hai mươi ba đồng ./.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH
Số: ...16012021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM

CÁN BỘ KỸ THUẬT CỦA TRUNG TÂM

LÀM NHIỆM VỤ CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2014
- Căn cứ Điều lệ của Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình
- Căn cứ hợp đồng kinh tế ký giữa Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình và khả năng chuyên môn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm bà: Hoàng Thị Thủy cán bộ phụ trách kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình làm chủ nhiệm công trình Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc

Số hợp đồng: 20211601KP-TH-01

Điều 2: Bà Hoàng Thị Thủy được hưởng mức lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Trung tâm.

Điều 3: Bà Hoàng Thị Thủy và các bộ phận có liên quan của Trung tâm có trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH

TS. Đinh Công Hòa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
Số:125/TLHĐ

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;
- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 20211601KP-TH01 ngày 16/01/2021 về việc: đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc;
- Căn cứ Biên bản kiểm tra; Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng & Bàn giao sản phẩm công trình.

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ, chúng tôi gồm:

Bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Đại diện là Ông: **Nguyễn Quốc Văn** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 02437558073 Fax: 02437558077

Tài khoản: 0561100290008 tại Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Mã số thuế: 0100107211-009

Bên B: Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình

Đại diện là Ông: **Đinh Công Hòa** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 02438363137 Fax: 02438363137

Tài khoản: 1462201006407 tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế: 0100531036

Hai bên thống nhất lập Biên bản thanh lý Hợp đồng này để thực hiện việc thanh lý Hợp đồng kinh tế số:; với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung

Bên B đã hoàn thành nội dung công việc của Hợp đồng kinh tế số: 20211601KP-TH01 ngày 16/01/2021 về việc: đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc;

- Sản phẩm đã được bàn giao đầy đủ.

Điều 2: Giá trị thanh lý và điều khoản thanh toán

- Giá trị thanh lý là: 448.040.815 đồng (đã bao gồm thuế GTGT)
- Giá trị bên A đã thanh toán, tạm ứng cho bên B là: 320.000.000 đồng.
- Giá trị bên A còn phải thanh toán cho bên B là: 128.040.815đồng

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi nghìn, tám trăm mười lăm đồng./.

Hai bên không còn bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến hợp đồng nói trên và cam kết không khiếu nại gì sau khi ký văn bản này.

Điều 3: Điều khoản chung

Hai bên nhất trí thanh lý Hợp đồng kinh tế số: 20211601KP-TH01 ngày 16/01/2021 về việc: đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc. Riêng điều khoản thanh toán hết hiệu lực khi bên A thanh toán hết tiền cho bên B.

Biên bản thanh lý Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN BÊN B GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Văn	Đinh Công Hòa

Phụ lục 03.a

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Công trình: Đo đạc bản đồ địa chính đất có nguồn gốc từ nông lâm trường quốc doanh bàn giao cho địa phương trên địa bàn các huyện: Krông Ana, Krông Pắc; Cư Kuin và thành phố Buôn Ma Thuật .

Hợp đồng số: 20211601KP-TH01 ký ngày 16/01/2021.

Bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Bên B: Trung tâm nghiên cứu Trắc địa công trình

Thanh toán lần thứ: 01;

Biên bản nghiệm thu số:..... Ngày

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khó khăn	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)			
				Theo HĐ	Thực hiện			Theo HĐ	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo HĐ	Thực hiện		
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)
1	Chỉnh lý tập trung tỷ lệ 1/5000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngoại nghiệp	Ha		832		499	499	508.066		422.710.912		253.626.547	253.626.547
	Nội nghiệp	Ha		832		499	499	60.198		50.084.736		30.050.842	30.050.842
2	**Chỉnh lý bản đồ địa chính**			-		-	-	-		-		-	-
2.1	Chỉnh lý không tập trung tỷ lệ 1/1000			-		-	-	-		-		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		31		19	19	187.823	-	5.822.513	-	3.493.508	3.493.508
-	Nội nghiệp	Thửa		31		19	19	30.406	-	942.586	-	565.552	565.552
2.2	Chỉnh lý không tập trung tỷ lệ 1/2000			-		-	-	-	-	-	-	-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		155		93	93	252.642	-	39.159.510	-	23.495.706	23.495.706
-	Nội nghiệp	Thửa		155		93	93	31.549		4.890.095		2.934.057	2.934.057
3	**Trích đo địa chính**			-		-	-	-		-		-	-
3.1	Đất ngoài đô thị	Thửa		-		-	-	-		-		-	-
	< 100 m2	Thửa		-		-	-	-		-		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	1.455.910	-	1.455.910	-	1.455.910	1.455.910
-	Nội nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	255.156	-	255.156	-	255.156	255.156
	100-300 m2	Thửa		-		-	-	-	-	-	-	-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	1.728.893		1.728.893		1.728.893	1.728.893
-	Nội nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	302.998		302.998		302.998	302.998
	> 300-500 m2	Thửa		-		-	-	-		-		-	-

-	Ngoại nghiệp	Thửa		5,0		5,0	5,0	1.842.598		9.212.990		9.212.990	9.212.990
-	Nội nghiệp	Thửa		5,0		5,0	5,0	318.952	-	1.594.760	-	1.594.760	1.594.760
	>500-1000 m2	Thửa		-		-	-	-	-	-	-	-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		7,0		7,0	7,0	2.240.743	-	15.685.201	-	15.685.201	15.685.201
-	Nội nghiệp	Thửa		7,0		7,0	7,0	390.826	-	2.735.782	-	2.735.782	2.735.782
	>1000-3000m2	Thửa		-		-	-	-		-		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		7,0		7,0	7,0	3.071.065		21.497.455		21.497.455	21.497.455
-	Nội nghiệp	Thửa		7,0		7,0	7,0	534.453		3.741.171		3.741.171	3.741.171
	>3000-10,000 m2	Thửa		-		-	-	-		-		-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		8,0		8,0	8,0	4.731.708	-	37.853.664	-	37.853.664	37.853.664
-	Nội nghiệp	Thửa		8,0		8,0	8,0	825.972	-	6.607.776	-	6.607.776	6.607.776
	>1 ha-10 ha	Thửa		-		-	-	-	-	-	-	-	-
-	Ngoại nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	5.678.049		5.678.049		5.678.049	5.678.049
-	Nội nghiệp	Thửa		1,0		1,0	1,0	991.166		991.166		991.166	991.166
	Tổng									**632.951.323**	-	**423.507.182**	**423.507.182**

1. Giá trị Hợp đồng: 632.951.323 đồng

2. Giá trị tạm ứng theo Hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: 240.000.000 đồng

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0 đồng

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: 423.507.182 đồng

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: 240.000.000 đồng

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: 183.507.182 đồng

Số tiền bằng chữ: ***Một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, một trăm tám mươi hai đồng***

7. Lũy kế giá trị thanh toán: 423.507.182 đồng

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Văn

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ đóng dấu)

Đinh Công Hòa